TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **86**/2018/HS-ST
Ngày: 11/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

Ông Nguyễn Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N; Sinh ngày: 04/10/1994; Tại: Tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Ấp HL, xã HX, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: 126/13/21B tổ 7, khu phố A, phường THT, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T và bà: Phạm Thị M; Có vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 24/4/2018.

(có mặt).

- Bị hại:

Bà Bùi Thị T; Sinh năm: 1977; Trú tại: 1123 đường TVG, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Bùi Thị Thu N; Sinh năm: 1961; Thường trú: 745/1/5 đường LLQ, Phường J, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 126/13/21B tổ 7, khu phố 1, phường THT, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị Diễm K; Sinh năm: 1964; Trú tại: 13/5 đường Lk 2-10, phường BHH A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Em Nguyễn Thị Hồng A; Sinh ngày: 09/4/2002;

- Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thị Hồng A: Bà Nguyễn Thụy Ngọc L; Sinh năm: 1974 - Là mẹ của em Nguyễn Thị Hồng A;

Cùng trú tại: Ấp XK 1, xã HKN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thụy Ngọc L đồng thời là người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 24/4/2018, Nguyễn Trọng N điều khiển xe gắn máy biển số 51N3-9732 đến cửa hàng xăng dầu số 13 tại địa chỉ 229 đường KDV, Phường L, Quận F để đổ xăng. Tại đây, N phát hiện bà Bùi Thị T đang đứng chờ con gái vào đổ xăng và trên tay của bà T có cầm 01 chiếc ba lô, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ba lô này. Để thực hiện ý định, N điều khiển xe từ phía sau chạy lên áp sát bà T, đồng thời dùng tay trái giật chiếc ba lô của bà T rồi vọt xe tẩu thoát về hướng đường HG, nhưng khi chạy đến trước nhà số 1075 đường HG, Phường K, Quận F, N bị lạc tay lái nên để xe tự ngã xuống đường. Ny lập tức, N bị những người xung quanh đuổi theo bắt giữ giao Công an Phường L, Quận F giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc ba lô màu trắng đen có họa tiết hình gấu, bên trong có: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng-bạc, 01 cái ví màu đen hiệu POABA và số tiền 1.600.000 đồng. Ngoài ra, Công an còn thu giữ của N 01 xe gắn máy biển số 51N3-9732; 01 ba lô màu xanh dương, bên trong có: 01 máy tính Casio, 01 Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thụy Ngọc L, 01 Chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Hồng A, 01 bộ đồ áo dài màu trắng.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận F: Nguyễn Trọng N khai nhận đã thực hiện hành vi như nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại các Văn bản số: 1073/TCKH ngày 06 tháng 7 năm 2018 và số: 1392/TCKH ngày 31 tháng 8 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận F thống nhất giá như sau:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng-bạc, imei 1: 356413/07/503435/0, imei 2: 356412/07/503435/2, có giá là: 1.250.000 đồng.

+ 01 ba lô màu trắng đen có họa tiết hình gấu và 01 cái ví màu đen hiệu POABA, do không cung cấp đầy đủ thông tin của tài sản, nên Hội đồng không tìm thấy thông tin giá trị tài sản.

Tại Cáo trạng số: 91/CT-VKS-Q6 ngày 18 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng N khai nhận chính bị cáo, đã sử dụng xe gắn máy loại xe Yamaha Nouvo, biển số 51N3-9732 thực hiện hành vi giật của bà Bùi Thị T 01 chiếc ba lô màu trắng đen (bên trong có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, 01 cái ví màu đen và số tiền 1.600.000 đồng) tại cửa hàng xăng dầu số 13 trên đường KDV, Phường L, Quận F vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 và bị bắt quả tang như bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 03 năm đến 04 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Trọng N nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận F, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Trọng N tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera ngày 27/6/2018 của Công an Phường L, Quận F; lời khai của bị hại Bùi

Thị T và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Trọng N đã phạm tội « Cướp giật tài sản ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Trọng N đã dùng xe môtô làm phương tiện để cướp giật của bà Bùi Thị T 01 chiếc ba lô màu trắng đen có họa tiết hình gấu, bên trong ba lô có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng-bạc trị giá 1.250.000 đồng, 01 cái ví màu đen hiệu POABA và số tiền 1.600.000 đồng (tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 2.850.000 đồng. Riêng chiếc ba lô và chiếc ví không định giá được), là phạm tội « Cướp giật tài sản » thuộc trường hợp: « Dùng thủ đoạn nguy hiểm » theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng N là rất táo bạo và liều lĩnh, thực hiện công khai giữa nơi đông người. Hành vi này không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Trọng N khi thực hiện hành vi phạm tội có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trọng N là rất nghiêm trọng, bởi cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn nạn nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Nguyễn Trọng N còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Bùi Thị T đã nhận lại tài sản gồm: 01 chiếc ba lô họa tiết hình gấu, 01 ví đen hiệu POABA, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng bạc (bên trong điện thoại có 02 sim, 01 thẻ nhớ), 1.600.000 đồng (theo hai Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 24/4/2018 và ngày 17/8/2018 - BL22, 88) và không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Việc xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra xác định chiếc xe gắn máy biển số 51N3-9732 thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng N là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị Thu N, nên đã xử lý trả lại cho bà N (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26/7/2018 - BL104), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Còn 01 ba lô màu xanh dương, bên trong có: 01 máy tính Casio, 01 Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thụy Ngọc L, 01 Chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Hồng A, 01 bộ đồ áo dài màu trắng, là tài sản hợp pháp của em Nguyễn Thị Hồng A và bà Nguyễn Thụy Ngọc L, không phải là vật chứng của vụ án, nên đã xử lý trả lại cho em A và bà L (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/8/2018 - BL97), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trọng N** phạm tội: « Cướp giật tài sản ».

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2018.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận F;
- Công an Quận F;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận F;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN F
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **86**/2018/HS-ST

Ngày 11 tháng 10 năm 2018

TRÍCH SAO BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2018/HS-ST ngày 11/10/2018.

Đối với bị cáo: **Nguyễn Trọng N**; Sinh ngày: 04/10/1994; Tại: Tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Ấp Hội Lễ, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: 126/13/21B tổ 7, khu phố 1, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh Trọng và bà: Phạm Thị Mười; Có vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 24/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trọng N** phạm tội: « Cướp giật tài sản ».

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2018.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận F;
- Công an Quận F;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận F;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình